TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 871/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 10 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 416/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Đinh Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Số 44 B, Phường C, quận P, TP. H.

Địa chỉ tạm trú: Số 118/11 T, Phường N, quận G, TP. H.

2/ Ông Phạm Phi H, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ tạm trú: Số 118/11 Trần Bá Giao, Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Đinh Thị B và ông Phạm Phi H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2014, ngày 03/11/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 7 năm 2024, bà Đinh Thị B và ông Phạm Phi H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà B là người trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Như Quỳnh, sinh ngày 27/9/2012; ông H là người trực tiếp nuôi

con chung tên Phạm Gia Khang, sinh ngày 28/4/2019. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Đinh Thị B và ông Phạm Phi H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Đinh Thị B và ông Phạm Phi H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2014, ngày 03/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Đinh Thị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Như Q, sinh ngày 27/9/2012. Ông Phạm Phi H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 28/4/2019.

Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà B và ông H đến khi các bên có yêu cầu.

Bà B và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đinh Thị B và ông Phạm Phi H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0013083 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Thị Hương